

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B3** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MD02020** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Cài đặt, thiết lập, QL và VH mạng LAN, Internet**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTV0227	Lê Quỳnh Anh	21/06/2006				6	5.0				7.0		6.3
2	21BTTV0228	Võ Thị Mỹ Dung	09/09/2006				7	7.0				7.5		7.3
3	21BTTV0229	Lê Thị Kỳ Duyên	07/09/2006				7	7.0				9.0		8.2
4	21BTTV0232	Nguyễn Phúc Hậu	11/03/2006				7	7.0				6.5		6.7
5	21BTTV0235	Lê Quốc Khương	01/10/2005				0	0.0				0.0	0.0	0.0
6	21BTTV0236	Nguyễn Phan Tuấn Kiệt	07/01/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
7	21BTTV0238	Đinh Văn Luyến	04/05/2006				8	9.0				8.5		8.6
8	21BTTV0239	Nguyễn Thị Cẩm Ly	23/05/2006				7	6.0				5.0		5.5
9	21BTTV0240	Huỳnh Công Lý	25/12/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
10	21BTTV0241	Nguyễn Trần Bảo Mẫn	12/06/2003				8	9.0				9.5		9.2
11	21BTTV0242	La Nhật Minh	01/06/2006				6	5.0				5.0		5.1
12	21BTTV0243	Lê Anh Tuấn Minh	19/01/2006				5	5.0				6.5		5.9
13	21BTTV0245	Đỗ Thị Bảo Như	12/10/2006				7	7.0				6.5		6.7
14	21BTTV0247	Đỗ Thị Kiều Phương	05/08/2006				7	7.0				7.5		7.3
15	21BTTV0248	Nguyễn Thị Kim Phụng	24/06/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
16	21BTTV0249	Huỳnh Bảo Thiện	29/10/2006				8	8.0				9.0		8.6
17	21BTTV0251	Vũ Thị Anh Thư	22/04/2006				7	6.0				7.0		6.7
18	21BTTV0252	Nguyễn Thị Thanh Thúy	27/03/2006				7	7.0				9.0		8.2
19	21BTTV0255	Trần Văn Trọng	12/05/2006				8	8.0				7.5		7.7
20	21BTTV0257	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14/10/2006				7	7.0				6.0		6.4
21	21BTTV0258	Phạm Thúy Uy	29/11/2006				8	8.0				8.0		8.0
22	21BTTV0259	Đinh Phương Uyên	08/07/2006				7	6.0				7.5		7.0
23	21BTTV0261	Hoa Thị Hồng Ý	25/09/2006				7	6.0				8.0		7.3
24	21BTTV0262	Nguyễn Ngọc Như Ý	15/12/2006				7	6.0				6.0		6.1
25	21BTTV0263	Huỳnh Thị Ngọc Yến	02/05/2006				7	6.0				6.5		6.4

Châu Đốc, ngày 10 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Bảo Xuyên